

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị G, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà G và ông L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 11/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An (cũ). Nay là xã V, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Đặng Thanh P (nam), sinh ngày 15/8/2010, Đặng Thiên P1 (nam), sinh ngày 06/11/2013 và Đặng Thiện P2 (nam), sinh ngày 18/9/2019. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có

tiếng nói chung, ông L hay đánh chửi bà G và ghen tuông vô cớ. Do không thể duy trì cuộc sống chung vợ chồng nên bà G đã đi làm xa, còn ông L đang sống cùng 03 con chung tại ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nhiều năm. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L, do 03 con chung đang sống cùng ông L nên bà G không tranh chấp mà đồng ý giao 03 con chung cho ông L nuôi, bà G do chưa ổn định công việc nên tạm thời không cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Đặng Thanh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại hai lần mở phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông L cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, bà G ít khi về thăm con, ông L hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp R, xã K, tỉnh Tây Ninh cùng 03 con chung. Về công việc và thu nhập, hiện nay bà G không sinh sống ở địa phương, nghề nghiệp và thu nhập không rõ. Ông L hiện làm ruộng nhà và có đi làm thuê nên cũng có thu nhập đủ sống và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không rõ lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại V, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) ngày 11/8/2009 nên là hôn nhân hợp pháp, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà G cho rằng quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau và cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn, mặc dù Tòa án đã đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, mời hòa giải nhiều lần, tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn bỏ mặc không đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông L đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã không còn tồn tại trên thực tế nên căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[2.3] Về con chung: Bà G và ông L có 03 con chung chưa thành niên đều đã trên 07 tuổi hiện đang sống cùng ông L và cả 03 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với ba nếu ba mẹ ly hôn. Bà G không tranh chấp việc nuôi con chung, ông L cũng không có ý kiến tranh chấp. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của 03 con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà G cho rằng bản thân chưa có công việc và thu nhập ổn định nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, bị đơn ông L cũng không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà G phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị G về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Đặng Thanh L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị G được ly hôn với ông Đặng Thanh L.

1.2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Đặng Thanh P (nam), sinh ngày 15/8/2010, Đặng Thiên P1 (nam), sinh ngày 06/11/2013 và Đặng Thiện P2 (nam), sinh ngày 18/9/2019 cho ông Đặng Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (03 con chung đang sống cùng ông L).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Vũ Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0009410 ngày 24/10/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hưng-Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh